

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~7621~~ /UBND-KT
V/v đề xuất dự án Nâng cao
mức sống của đồng bào dân tộc
thiểu số (ADB1)

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 12 năm 2017



TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số:.....11304.....
ĐẾN	Ngày: 08/12/17
	Chủ đề:.....

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Thực hiện nội dung Công văn số 1304/UBNDT-KHTC ngày 25/11/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc phối hợp chuẩn bị đề xuất dự án Nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số (ADB1) và sau khi trao đổi, làm việc với Đoàn công tác của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát và kính báo cáo như sau:

1. Thực trạng và ưu tiên lớn nhất hiện nay của tỉnh trong đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Quảng Ngãi là tỉnh thuộc vùng duyên hải miền Trung, với đặc điểm chung là núi lán sát biển, địa hình có tính chuyển tiếp từ địa hình đồng bằng ven biển ở phía Đông đến địa hình miền núi cao ở phía Tây. Địa hình Quảng Ngãi được chia thành bốn vùng rõ rệt: Vùng rừng núi, vùng trung du, vùng đồng bằng và vùng bãi ngang ven biển; vùng rừng núi có diện tích 391.192 ha, chiếm 2/3 diện tích trong tỉnh. Trong những năm qua, được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước từ nhiều nguồn vốn như 30a, Chương trình 135, nông thôn mới... vì vậy, bộ mặt nông thôn miền núi đã từng bước có sự thay đổi, đời sống vật chất, tinh thần từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, là địa bàn rộng, độ dốc cao từ Tây sang Đông, đồng bào dân tộc chiếm tỷ lệ lớn, xuất phát điểm thấp, thường xuyên bị mưa lũ hàng năm gây thiệt hại nặng nề, tình trạng sạt lở đất đai, lượng mưa lớn tập trung vào một vài tháng trong năm nên hàng năm diện tích bị xói mòn bởi các dòng chảy của các con sông lớn khó khắc phục được, gây khó khăn trong việc phát triển sản xuất nông lâm nghiệp.

06 huyện phía Tây của tỉnh là các huyện nghèo (theo NQ30a) và giáp các tỉnh Bình Định, Kon Tum, Gia Lai và Quảng Nam; các huyện này đều nằm trong lưu vực dòng chảy của các con sông lớn như sông Rhe (huyện Sơn Hà và Ba Tơ), sông Rinh, sông Xà Lò (huyện Sơn Hà và Sơn Tây) và là thượng nguồn của các con sông lớn của tỉnh Quảng Ngãi như sông Trà Khúc, sông Vệ và sông Trà Câu. Vào mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 12), tình trạng mưa lớn, nước lũ từ các sông dâng cao làm sạt lở đất đá nghiêm trọng, ngập úng hoa màu, gây hư hỏng hệ thống thủy lợi và giao thông, xảy ra khá phổ biến tại các huyện miền núi này.

Kết cấu hạ tầng yếu kém: Cơ sở hạ tầng (CSHT) sản xuất còn rất thiếu, hệ thống giao thông kết nối từ huyện đến xã, từ xã đến các xã khác và từ xã đến thôn, bản còn rất khó khăn; kết nối giữa các khu vực dân cư, thương mại với các khu sản xuất và chế biến còn hạn chế; không có hoặc không đủ nước tưới là cản trở lớn đối với phát triển sản xuất. CSHT xã hội vùng núi nhìn chung còn yếu kém, mặc dù hầu hết các xã trong vùng đều đã có trạm y tế xã, trường tiểu học, trường THCS nhưng về cơ bản cơ sở vật chất còn thiếu và trong điều kiện chất lượng rất kém. Tiếp cận với nước sinh hoạt cũng là một thách thức đối với rất nhiều địa bàn, nhất là vào mùa khô. Bên cạnh đó, tiếp cận với thị trường lao động, thông tin thị trường của người dân trong vùng dự án còn gặp nhiều hạn chế.

Nút thắt về CSHT là cản trở chính đối với các hoạt động sinh kế và đời sống sinh hoạt của người dân vùng núi. Vì vậy, **Dự án cần tập trung** vào cải thiện CSHT cấp xã, thôn bản và cải thiện CSHT kết nối cấp huyện với ưu tiên tập trung vào các hạng mục có tác dụng hỗ trợ cho phát triển sinh kế và cải thiện đời sống sinh hoạt của người dân, có kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong quá trình thực hiện những biện pháp, tháo gỡ khó khăn này, dự án nên chủ trương khuyến khích lao động địa phương tham gia vào xây dựng các công trình CSHT, đặc biệt là hình thức đầu thầu có sự tham gia của cộng đồng để tạo thu nhập cho người dân trong vùng dự án.

Thực trạng hoạt động sinh kế vùng núi còn nghèo nàn so với các huyện đồng bằng. Có rất nhiều yếu tố gây cản trở phát triển sinh kế trong vùng núi, bao gồm: (1) Kết cấu hạ tầng yếu kém dẫn đến chi phí vận chuyển cao, giao thương hàng hóa gặp nhiều hạn chế; (2) Thiếu tiếp cận với thủy lợi giảm hiệu quả sử dụng đất canh tác; (3) Thời tiết phức tạp nên hoạt động sản xuất gặp rủi ro thiên tai; ở nhiều địa phương, địa hình chia cắt, đất canh tác phân tán dẫn đến quy mô sản xuất nông nghiệp manh mún; (4) Hệ thống cung ứng đầu vào và dịch vụ (giống, vật tư nông nghiệp, khuyến nông, thú y) hạn chế nên khả năng tiếp cận với giống có chất lượng và đầu vào hạn chế; (5) Thiếu kết nối với thị trường đầu ra đối với mặt hàng nông sản, chủ yếu phụ thuộc vào tư thương nên người dân bị thua thiệt trong đàm phán xác định giá và điều kiện mua bán; (6) Mức độ tiếp cận kỹ thuật mới trong sản xuất còn hạn chế, chủ yếu duy trì tập quán canh tác lâu đời, năng suất và chất lượng sản phẩm đầu ra thấp; (7) Chưa tiếp cận nhiều về ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều chuyển biến tích cực; công tác giảm nghèo đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đã tác động tích cực và tạo điều kiện thuận lợi cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo. Tuy nhiên, theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của tỉnh còn khá cao, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; cuối năm 2016, tổng số hộ nghèo khu vực vùng cao của tỉnh là 25.392 hộ, chiếm tỷ lệ 41,93% tổng số hộ trong khu vực (đầu năm 2016 tỷ lệ này là 46,76%) và tổng số hộ cận nghèo của khu vực là 8.409 hộ, chiếm tỷ lệ 13,91% tổng số hộ trong khu vực (đầu năm 2016 tỷ lệ này là

13,89%). Tổng số hộ nghèo Dân tộc thiểu số là 23.292 hộ, chiếm tỷ lệ 51,46% trong tổng số hộ nghèo toàn tỉnh và bằng 47,54% tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn tỉnh (chỉ số này đầu năm 2016 là 53,36%). Toàn tỉnh có 50 xã ĐBKK, ATK và 47 thôn ĐBKK thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và cả 06 huyện vùng cao của tỉnh đều là huyện thực hiện Nghị quyết 30a/NQ-CP (*đồng bào DTTS của tỉnh chủ sinh sống tập trung chủ yếu ở 06 huyện này*). Vì vậy, ưu tiên lớn nhất trong giai đoạn hiện nay của tỉnh Quảng Ngãi là đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, điện năng lượng mặt trời để giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

2. Phạm vi Dự án

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 06 huyện miền núi đang thực hiện theo Nghị quyết 30a, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, nông nghiệp chậm phát triển, quy mô sản xuất nhỏ. Do đó tỉnh Quảng Ngãi đề xuất được thực hiện dự án trên địa bàn 06 huyện miền núi của tỉnh là: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Trà Bồng, Tây Trà, đây là địa bàn có phần đông đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm từ 80-90% dân số trên địa bàn từng huyện.

3. Tính sẵn sàng của tỉnh

3.1 Nhu cầu đầu tư vào 06 huyện nghèo của tỉnh:

Trong những năm tới, tỉnh tập trung ưu tiên nguồn vốn hỗ trợ cho vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thông qua các dự án của Chương trình 30a, Chương trình 135, Dự án Giảm nghèo Tây Nguyên Trước hết là ưu tiên đầu tư các công trình trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh ở các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn, trong đó:

- Đối với cấp huyện: Đầu tư các công trình giao thông từ huyện đến xã, liên xã; các công trình thủy lợi quy mô cấp huyện, liên xã, trường học...

- Đối với cấp xã: Các công trình giáo dục, y tế đạt chuẩn, đường giao thông liên thôn, điện phục vụ sản xuất và dân sinh, nước sinh hoạt; thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp...

Tuy nhiên, nguồn vốn từ các Chương trình, dự án này còn rất hạn chế, trong khi nhu cầu đầu tư tại địa bàn 6 huyện miền núi này nhu cầu rất lớn để phát triển kinh tế - xã hội.

3.2 Kinh nghiệm và năng lực thực hiện dự án ODA:

- Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi đã và đang triển khai thực hiện một số chương trình/dự án tại các huyện, xã nghèo đặc biệt khó khăn như:

+ Nghị quyết 80/NQ-CP về Định hướng Giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020 (UNDP);

+ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới (NTM), giai đoạn 2012-2020;

+ Nghị quyết 30a về Chương trình hỗ trợ Giảm nghèo nhanh và bền vững cho 62 huyện nghèo;

+ Chương trình 135 (Giai đoạn 2016-2020) về hỗ trợ đầu tư CSHT, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu, và các thôn bản đặc biệt khó khăn (đang thực hiện);

+ Dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2014-2019.

Tuy nhiên việc hỗ trợ đầu tư của các chương trình/dự án trên chưa thể đáp ứng đủ nhu cầu cấp thiết của vùng, do đó tỉnh cần có nguồn lực thêm hỗ trợ từ các chương trình/dự án khác để góp phần nâng cao mức sống của vùng, giảm khoảng cách về phát triển kinh tế, thu nhập, mức sống giữa đồng bằng và miền núi.

- *Về kinh nghiệm và năng lực thực hiện dự án ODA của tỉnh:* Trong thời gian qua (từ năm 2000 đến nay), tỉnh đã có nhiều kinh nghiệm tiếp nhận, triển khai thành công khoảng 60 chương trình, dự án ODA; các dự án này đã góp phần hỗ trợ đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi, đặc biệt trong công tác lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng, do cộng đồng đề xuất đáp ứng nhu cầu thiết thực, cải thiện cuộc sống tại xã huyện đặc biệt khó khăn của tỉnh. Một số chương trình/dự án tiêu biểu như:

+ Các dự án do ADB tài trợ: Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2), thực hiện từ 2015-2018; Giáo dục Trung học phổ thông (2005-2009); Hỗ trợ y tế vùng duyên hải Nam Trung Bộ (2009-2015); Chương trình phát triển giáo dục trung học (2012-2014); Dự án ADB3 (2001-2003)...

+ Chương trình phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi (RUDEP) giai đoạn 2002-2007, vốn ODA hỗ trợ không hoàn lại của Chính phủ Ôxtrâyliya (kết thúc);

+ Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn dựa vào cộng đồng (CBRIP) giai đoạn 2004-2009, vốn ODA của Ngân hàng Thế giới (kết thúc);

+ Chương trình Hỗ trợ thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2 tỉnh Quảng Ngãi (ISP) giai đoạn 2008-2012, vốn ODA hỗ trợ không hoàn lại của Chính phủ Ôxtrâyliya (kết thúc);

+ Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp (WB3) giai đoạn 2005-2015, vốn ODA của Ngân hàng Thế giới (kết thúc);

+ Dự án giảm nghèo Khu vực Tây Nguyên tỉnh Quảng Ngãi (GNTN) giai đoạn 2014-2019, vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới (đang thực hiện);

Như vậy, kinh nghiệm và năng lực thực hiện các chương trình, dự án ODA tại tỉnh Quảng Ngãi cơ bản sẽ đáp ứng các yêu cầu từ Ủy ban Dân tộc và nhà tài trợ ADB.

4. Cơ chế tài chính trong nước:

4.1. Về khả năng vay nợ của tỉnh:

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 thì việc xác định mức dư nợ vay tối đa của tỉnh Quảng Ngãi năm 2017 là 2.951,047 tỷ đồng. Tại Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017, theo đó, tổng số vay trong năm 2017 cho ngân sách tỉnh Quảng Ngãi là 667.380 triệu đồng. Trong đó:

- Vay để bù đắp bội chi: 371.300 triệu đồng (mức bội chi tối đa);
- Vay để trả nợ gốc: 296.080 triệu đồng.

Do vậy, về cơ bản tỉnh sẽ đáp ứng được các điều kiện để vay vốn ADB để đầu tư thực hiện Dự án. Việc xác định khả năng hoàn trả nợ của tỉnh phụ thuộc vào định mức bội chi hàng năm do Bộ Tài chính xác định, đồng thời, việc lập phương án vay và trả nợ vốn vay khi triển khai các thủ tục của Dự án sẽ được Bộ Tài chính thẩm định, phê duyệt.

4.2. Về khả năng cân đối được mức vay trả theo Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/4/2017 của Chính phủ và khả năng cấp vốn đối ứng:

UBND tỉnh về cơ bản cam kết sẽ cân đối đủ số vốn đối ứng để thực hiện Dự án tại tỉnh.

4.3. Kiến nghị thêm về cơ chế tài chính trong nước:

Tỉnh Quảng Ngãi có 06 huyện miền núi thuộc Chương trình 30a, có 19 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển nên điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Hơn nữa dự án này đối tượng được hưởng là đồng bào dân tộc thiểu số, thuộc đối tượng giảm nghèo nằm trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 52/2017/NĐ-CP), do vậy, tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Ủy ban Dân tộc quan tâm, xem xét, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giảm tỷ lệ cho tỉnh vay lại vốn ODA là 20% để tạo điều kiện cho tỉnh trong việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đáp ứng các mục tiêu của Dự án đề ra.

5. Nhu cầu đầu tư tại các huyện dự kiến tham gia dự án

Tỉnh Quảng Ngãi có 06 huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo nghị quyết 30a/2009/NQ-CP của Chính phủ, gồm các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng và Minh Long có tổng diện tích tự nhiên 3.248,35 Km², chiếm 63,04% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh, trong đó: Trà Bồng: 421,5 Km² (với 9 đơn vị hành chính cấp xã), Tây Trà: 338,45Km² (với 9 đơn vị hành chính cấp xã), Sơn Hà:

750,21 Km² (với 14 đơn vị hành chính cấp xã), Sơn Tây: 381,49 Km² (với 9 đơn vị hành chính cấp xã), Ba Tơ: 1137,56 Km² (với 20 đơn vị hành chính cấp xã) và Minh Long 217,23 Km² (với 5 đơn vị hành chính cấp xã). Tổng dân số trên địa bàn 06 huyện là: 216.539 người với khoảng 62.131 hộ, trong đó dân số các huyện: Trà Bồng: 32.330 người, Tây Trà: 19.174 người, Sơn Hà: 72.307 người, Sơn Tây 18.962 người, Minh Long: 17.143 người và Ba Tơ: 56.623 người. Trong đó dân tộc thiểu số là 185.294 người với 50.481 hộ, chủ yếu là đồng bào Hre sống tại huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, đồng bào Cor sống tại huyện Trà Bồng, Tây Trà và dân tộc Cadong sống tại huyện Sơn Tây. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2016 của từng huyện: Trà Bồng: 42,37%, Sơn Hà: 34,39%, Sơn Tây: 55,07%, Minh Long: 40,98%, Ba Tơ: 37,96 và Tây Trà: 75,08% và dự kiến cuối năm 2017 của từng huyện: Trà Bồng 37,41%, Sơn Hà: 30,20%, Sơn Tây: 51,23%, Minh Long: 35,02%, Ba Tơ: 30,16% và Tây Trà: 70,39%.

Đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn 6 huyện miền núi còn hết sức khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, địa hình chia cắt bởi sông suối và đồi dốc nên thiếu đất sản xuất, kết cấu hạ tầng của địa phương còn thấp kém, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là về giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi phục vụ nhu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Trong những năm gần đây chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên những tháng cuối năm trên địa bàn tỉnh thường chịu thiệt hại nặng nề do các cơn bão và mưa lớn diễn biến thất thường gây lụt lội, sạt lở thiệt hại nghiêm trọng các công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư trên địa bàn các huyện, đặc biệt là giao thông, thủy lợi... Mặc dù tỉnh đã có sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành và địa phương để tập trung khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, tuy nhiên do điều kiện nguồn ngân sách của địa phương còn nhiều khó khăn nên chưa đáp ứng được hết tất cả các nhu cầu cấp thiết hiện nay. Bên cạnh đó, tốc độ phát triển kinh tế trên địa bàn 6 huyện miền núi chưa cao, thu ngân sách còn hạn chế, do đó chưa đảm bảo đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ. Các nguồn vốn thuộc các Chương trình 30a, Chương trình 135, nông thôn mới ... thì tổng nguồn vốn được hỗ trợ để đầu tư cơ sở hạ tầng còn thấp.

Từ những nguyên nhân trên, việc thực hiện dự án Nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số (ADB1) trên địa bàn tỉnh là hết sức cần thiết nhằm phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn 6 huyện miền núi, thu hẹp khoảng cách giữa miền núi và miền xuôi; để thực hiện hiệu quả, đảm bảo mục tiêu đề ra và đồng đều giữa những địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất tổng mức đầu tư thực hiện tại các huyện của tỉnh Quảng Ngãi tham gia dự án là 62,78 triệu USD (tương ứng là 1.412.800 triệu đồng), cụ thể:

- Huyện Sơn Tây 04 Tiểu dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 9,05 triệu USD.

- Huyện Trà Bồng 03 Tiểu dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 11,1 triệu USD.
- Huyện Sơn Hà 03 Tiểu dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 10,35 triệu USD.
- Huyện Minh Long 02 Tiểu dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 9,4 triệu USD.
- Huyện Ba Tơ 04 Tiểu dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 12,2 triệu USD.
- Huyện Tây Trà 03 Tiểu dự án với tổng vốn đầu tư hơn 10,6 triệu USD.

(Chi tiết có Phụ lục danh mục dự án kèm theo)

6. Các kiến nghị, góp ý

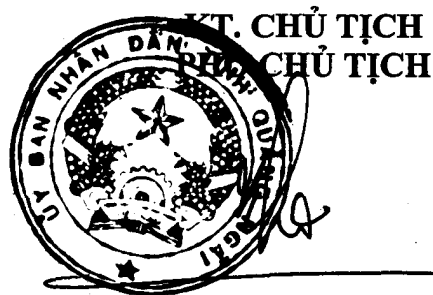
- Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc tạo điều kiện để tỉnh Quảng Ngãi có 06 huyện miền núi là Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà (06 huyện nghèo thực hiện Nghị quyết 30a/2009/NQ-CP) được tham gia dự án để đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Lựa chọn tỉnh Quảng Ngãi tham gia dự án và thực hiện vào giai đoạn 1 (CEMA1) để đảm bảo nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số và cải thiện cơ sở hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn đang ở mức thấp như hiện nay, từng bước giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong vùng dự án, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc quan tâm, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Các Bộ: Tài chính,
Kế hoạch và Đầu tư (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính,
Kế hoạch và Đầu tư,
Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND 06 huyện miền núi;
- VPUB: CVP, PCVP (KT), CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat262.



Phạm Trường Thọ

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC TIÊU DỰ ÁN
THUỘC DỰ ÁN NÂNG CAO MỨC SỐNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ (ADB1)**



TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Công văn số 137/UBND-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Danh mục các tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Mục tiêu và quy mô đầu tư	Dự kiến TMĐT (Tr.đồng)	Dự kiến TMĐT (Tr.USD)	Số người hưởng lợi		Ghi chú
						Tổng số	Dân tộc thiểu số	
TỔNG CỘNG				1.412.800	62,78	123.168	105.045	
I	HUYỆN SƠN TÂY			203.500	9,05	16.260	14.730	
1	Tiêu dự án Nâng cấp Hệ thống giao thông liên xã phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Các xã Sơn Tân; Sơn Màu; Sơn Tinh; Sơn Lập; Sơn Long; Sơn Bua	Nâng cấp đường giao thông; xây dựng cầu phục vụ đồng bào dân tộc các xã Sơn Tân; Sơn Màu; Sơn Tinh; Sơn Lập; Sơn Long; Sơn Bua	155.000	6,89	15.000	13.500	
2	Tiêu dự án Nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Các xã: Sơn Lập, Sơn Mùa, Sơn Bua, Sơn Tinh	30ha	10.500	0,47	500	500	
3	Tiêu dự án Xây dựng cung cấp hệ thống mạng lưới điện chiếu sáng KDC Tang Vóc xã Sơn Long; KDC xóm Ông Dưa Sơn Bua; KDC xóm Ông Gành Sơn Màu; KDC Số 01 Sơn Lập phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Các xã: Sơn Lập, Sơn Long, Sơn Màu, Sơn Bua	59 hộ	18.000	0,80	260	230	
4	Tiêu dự án Kè chống sạt lở các khu tái định cư Anh Nhoi 2; Nước Vương; INam phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Các xã: Sơn Liên, Sơn Long, Sơn Màu	141 hộ	20.000	0,89	500	500	

STT	Danh mục các tiểu dự án	Địa điểm thực hiện	Mục tiêu và quy mô đầu tư	Dự kiến TMBT (Tr.đồng)	Dự kiến TMBT (Tr.USD)	Số người hưởng lợi		Ghi chú
						Tổng số	Dân tộc thiểu số	
II	HUYỆN TRÀ BÔNG			250.000	11,10	23.000	23.000	
1	Tiểu dự án Khôi phục Làng văn hóa dân tộc Kor	Trung tâm huyện	Xây dựng nhà truyền thống, các thiết chế văn hóa dân tộc Kor, phát triển du lịch, dịch vụ và nâng cao mức sống đồng bào dân tộc	30.000	1,33	5.000	5.000	
2	Tiểu dự án Nâng cấp hệ thống đường GTNT liên xã, liên thôn phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Các xã: Trà Tân, Trà Bùi, Trà Hiệp, Trà Giang	Xây dựng, nâng cấp hệ thống đường GTNT tại các xã Trà Tân, Trà Bùi, Trà Hiệp, Trà Giang	190.000	8,44	15.500	15.500	
3	Tiểu dự án Nâng cấp đê, kè phục vụ sản xuất đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	xã Trà Tân	Xây dựng kè chống sạt lở Sông Giang, xã Trà Tân	30.000	1,33	2500	2500	
III	HUYỆN SON HÀ			233.000	10,35	39.850	35.380	
1	Tiểu dự án cung cấp điện năng lượng tái tạo phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Thôn Gò Da, xã Sơn Ba huyện Sơn Hà	Cung cấp điện cho 69 hộ dân tại thôn Gò Da, xã Sơn Ba huyện Sơn Hà	9.000	0,4	350	350	
2	Tiểu dự án nâng cấp hệ thống đường GTNT liên xã phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Các xã: Sơn Hạ, Sơn Thượng, Sơn Hải, Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Thành, Sơn Nham, Sơn Linh, Sơn Cao, Sơn Ba, Sơn Trung, Sơn Bao, Di Lăng	Xây dựng, nâng cấp hệ thống cầu 250m, 37km đường GTNT phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số các xã: Sơn Hạ, Sơn Thượng, Sơn Hải, Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Thành, Sơn Nham, Sơn Linh, Sơn Cao, Sơn Ba, Sơn Trung, Sơn Bao, Di Lăng	184.000	8,17	29.500	27.030	
3	Tiểu dự án thủy lợi, nước sạch, hồ chứa đa mục tiêu phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Các xã: Sơn Thành, Di Lăng, Sơn Kỳ, Sơn Linh, Sơn Thượng, Sơn Cao, Sơn Nham, Sơn Trung, Sơn bao, Sơn Thủy, Sơn Ba	Nâng cấp 34,4km kênh mương nội đồng phục vụ phát triển nông nghiệp các xã trên địa bàn huyện	40.000	1,78	10.000	8.000	

STT	Danh mục các tiêu dự án	Địa điểm thực hiện	Mục tiêu và quy mô đầu tư	Dự kiến TMBT (Tr.đồng)	Dự kiến TMBT (Tr.USD)	Số người hưởng lợi		Ghi chú
						Tổng số	Dân tộc thiểu số	
IV	HUYỆN MINH LONG			211.800	9,42	9.957	9.676	
1	Tiêu dự án nâng cấp hệ thống đường GTNT liên xã phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Các xã Long Môn, Long Sơn, Thanh An, Long Hiệp huyện Minh Long	Xây dựng, nâng cấp hệ thống đường GTNT tại các xã Long Môn, Long Sơn, Thanh An, Long Hiệp huyện Minh Long	168.000	7,47	7.023	6.742	
2	Tiêu dự án thủy lợi, nước sạch, kè chống sạt đa mục tiêu phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Xã Long Môn, Long Sơn, Thanh An, Long Mai, Long Hiệp	Nâng cấp công trình thủy lợi, kè chống sạt lở, cấp nước sinh hoạt nông thôn các xã Long Môn, Long Sơn, Thanh An, Long Mai, Long Hiệp	43.800	1,95	2.934	2.934	
V	HUYỆN BA TƠ			276.000	12,27	44.058	31.935	
1	Tiêu dự án nâng cấp hệ thống đường GTNT liên xã, liên thôn phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Các xã Ba Lế, Ba Vinh, Ba Trang, Thị trấn Ba Tơ, Ba Bích, Ba Giang.....	Xây dựng, nâng cấp hệ thống đường GTNT tại các xã Ba Lế, Ba Vinh, Ba Trang, Thị trấn Ba Tơ, Ba Bích, Ba Giang..... Quy mô 232m cầu rộng 8m; 19,7km đường BTXM	186.000	8,27	18.082	14.236	
2	Tiêu dự án thủy lợi, nước sạch, hồ chứa đa mục tiêu phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Các xã Ba Dinh, Ba Vinh, Thị trấn Ba Tơ,	Nâng cấp hồ chứa, hệ thống tưới và cung cấp nước sinh hoạt cho các xã Ba Dinh, Ba Vinh, Thị trấn Ba Tơ...để phục vụ tưới tiêu khoảng 50ha và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số	25.000	1,11	14.606	10.299	
3	Tiêu dự án nâng cấp hệ thống đê, kè phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	Xã Ba Cung và TT Ba Tơ	Nâng cấp hệ thống đê, kè phục vụ sản xuất cho đồng bào DTTS xã Ba Cung và thị trấn trên địa bàn huyện	40.000	1,78	8.142	4.308	

